

DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ THEO ĐỀ ÁN

Đơn vị tính: đồng

STT	MÃ DV	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ	GIÁ	GHI CHÚ
1	DIDV001NGOAI	[GIDV]Phòng 1 giường khoa NGOẠI	Ngày	400.000	
2	DVGHEHSCC	Mặt bằng ghế bố khoa HSCC	Ngày	15.000	
3	DVGHENGOAI	Mặt bằng ghế bố khoa NGOẠI	Ngày	15.000	
4	DVGHENHI	Mặt bằng ghế bố khoa NHI	Ngày	15.000	
5	DVGHENHIEM	Mặt bằng ghế bố khoa NHIỄM	Ngày	15.000	
6	DVGHENOI	Mặt bằng ghế bố khoa NỘI	Ngày	15.000	
7	DVGHESAN	Mặt bằng ghế bố khoa SẢN	Ngày	15.000	
8	DVTHU KHAC_HSCC	[DV]Thủ thuật phân loại khác (KHOA HSCC 100)	Lần	100.000	
9	DVTHUKHAC	[DV] Công khám theo yêu cầu (chỉ định bác sĩ) (NGOẠI TRÚ)	Lần	100.000	
10	DVTHUKHAC MAT	[DV] Thủ thuật phân loại khác (KHOA LCK, Mắt 100)	Lần	100.000	
11	DVTHUKHAC MAT 1	[DV] Thủ thuật loại 1 MẮT	Lần	500.000	
12	DVTHUKHAC MẮT 2	[DV] Thủ thuật loại 2 MẮT	Lần	400.000	
13	DVTHUKHAC MẮT 3	[DV] Thủ thuật loại 3 MẮT	Lần	300.000	
14	DVTHUKHAC RHM	[DV] Thủ thuật loại 3 RHM	Lần	300.000	
15	DVTHUKHAC004	Vòng tránh thai	Lần	25.000	
16	DVTHUKHAC005	Sổ khám bệnh	Quyển	7.000	
17	DVTHUKHAC113	[DV] Phản ứng hòa hợp *	Lần	3.000	
18	DVTHUKHAC114	[DV] Phản ứng Pandý [dịch]	Lần	960	
19	DVTHUKHAC115	[DV] Phản ứng Rivalta [dịch]	Lần	960	
20	DVTHUKHAC116NGOAI	[DV] Phẫu thuật loại 3 (NGOẠI) 1.000	Lần	1.000.000	
21	DVTHUKHAC117NGOAI	[DV] Phẫu thuật loại 3 (NGOẠI) 1.200	Lần	1.200.000	
22	DVTHUKHAC120SAN	[DV] Phẫu thuật loại 3 SẢN	Lần	1.500.000	
23	DVTHUKHAC121	[DV] Phẫu thuật đặc biệt	Lần	3.000.000	
24	DVTHUKHAC125	[DV] Sanh dịch vụ	Lần	1.000.000	
25	DVTHUKHAC127	[DV] Sarcoptes scabies hominis (Ghè) soi tươi	Lần	4.200	
26	DVTHUKHAC128	[DV] Siêu âm doupler thai	Lần	100.000	
27	DVTHUKHAC129	[DV] Siêu âm	Lần	100.000	
28	DVTHUKHAC130	[DV] Siêu âm thai 4 chiều	Lần	100.000	
29	DVTHUKHAC132	[DV] Siêu âm tim mạch máu	Lần	150.000	
30	DVTHUKHAC133	[DV] Siêu âm đầu dò âm đạo	Lần	150.000	
31	DVTHUKHAC134	[DV] Soi cổ tử cung	Lần	100.000	
32	DVTHUKHAC135	[DV] Soi tươi tìm nấm âm đạo,trùng voi âm đạo *	Lần	3.360	
33	DVTHUKHAC136	[DV] Streptococcus pyogenes ASO	Lần	4.200	
34	DVTHUKHAC138	[DV] Sàng lọc Khiếm Thính ở trẻ sau sinh	Lần	100.000	

35	DVTHUKHAC139	[DV] Sàng lọc tim trẻ em	Lần	50.000	
36	DVTHUKHAC140	[DV] Sữa dinh dưỡng	Lần	14.000	
37	DVTHUKHAC149	[DV] thủ thuật Vật lý trị liệu, y dược cổ truyền	Lần	100.000	
38	DVTHUKHAC156	[DV] Thủ Thuật YDCT - VLTL (100)	Lần	100.000	
39	DVTHUKHAC159YDCT	[DV] Thủ thuật loại 3 (KHOA YDCT 200) Cấy chỉ	Lần	200.000	
40	DVTHUKHAC163	[DV]Thủ thuật loại 1	Lần	500.000	
41	DVTHUKHAC163 HSCC	[DV] Thủ thuật loại 1 HSCC	Lần	500.000	
42	DVTHUKHAC163 NHI	[DV] Thủ thuật loại 1 NHI	Lần	500.000	
43	DVTHUKHAC163 NOI	[DV] Thủ thuật loại 1 NỘI	Lần	500.000	
44	DVTHUKHAC163 SAN	[DV] Thủ thuật loại 1 SẢN	Lần	500.000	
45	DVTHUKHAC163NHI	[DV] Thủ thuật loại 1 NGOẠI	Lần	500.000	
46	DVTHUKHAC163RHM	[DV]Thủ thuật loại 1 RHM	lần	500.000	
47	DVTHUKHAC163TMH	[DV] Thủ Thuật loại 1 TMH	lần	500.000	
48	DVTHUKHAC165	[DV]Thủ thuật loại 2	lần	400.000	
49	DVTHUKHAC165HSCC	[DV] Thủ thuật loại 2 HSCC	Lần	400.000	
50	DVTHUKHAC165NGOẠI	[DV] Thủ thuật loại 2 NGOẠI	Lần	400.000	
51	DVTHUKHAC165NHI	[DV] Thủ thuật loại 2 NHI	Lần	400.000	
52	DVTHUKHAC165NOI	[DV] Thủ thuật loại 2 NỘI	Lần	400.000	
53	DVTHUKHAC165SAN	[DV] Thủ thuật loại 2 SẢN	Lần	400.000	
54	DVTHUKHAC166DD	[DV] Thủ Thuật loại 3	lần	300.000	
55	DVTHUKHAC166HSCC	[DV] Thủ thuật loại 3 HSCC	Lần	300.000	
56	DVTHUKHAC166NGOẠI	[DV] Thủ thuật loại 3 NGOẠI	Lần	300.000	
57	DVTHUKHAC166NHI	[DV] Thủ thuật loại 3 NHI	Lần	300.000	
58	DVTHUKHAC166NOI	[DV] Thủ thuật loại 3 NỘI	Lần	300.000	
59	DVTHUKHAC166SAN	[DV] Thủ thuật loại 3 SẢN	Lần	300.000	
60	DVTHUKHAC166TMH	[DV] Thủ Thuật loại 3 TMH	lần	300.000	
61	DVTHUKHAC167	[DV] Thủ thuật đặc biệt	Lần	600.000	
62	DVTHUKHAC169	[DV] Tiêm ngừa + tư vấn	Lần	50.000	
63	DVTHUKHAC170	[DV] Tiền công KCB theo yêu cầu bình thường	Lần	50.000	
64	DVTHUKHAC171	[DV] Tiền công KSK các loại theo yêu cầu	Lần	100.000	
65	DVTHUKHAC172	[DV] Tiền công yêu cầu bác sĩ	Lần	100.000	
66	DVTHUKHAC174	[DV] Tiểu Phẫu các loại	Lần	300.000	
67	DVTHUKHAC177	[DV] Troponin T/I *	Lần	12.000	
68	DVTHUKHAC178	[DV] Răng giả các loại	Lần	250.000	
69	DVTHUKHAC185	[DV] Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Lần	4.200	
70	DVTHUKHAC195	[DV] XQ kỹ thuật số	Lần	100.000	
71	DVTHUKHAC200	[DV] Xông hơi cho bà mẹ sau sinh	Lần	50.000	
72	DVTHUKHAC201	[DV] Xỏ lỗ tai cho bé gái	Lần	50.000	
73	DVTHUKHAC202	[DV] Điều dưỡng chăm sóc	Lần	200.000	
74	DVTHUKHAC204	[DV] Đo chức năng hô hấp	Lần	100.000	
75	DVTHUKHAC211	[DV] Đo điện tim	Lần	100.000	
76	DVTHUKHAC212	[DV] Đầu dò âm đạo	Lần	150.000	
77	DVTHUKHAC213	[DV] Đẻ không đau – gây tê màng cứng	Lần	900.000	
78	DVTHUKHAC233	[Dv] Đồ đón trẻ sơ sinh (cung cấp đồ tiết trùng cho trẻ sơ sinh vừa chào đời)	Lần	100.000	
79	DVTHUKHAC234	[DV]Đặt dụng cụ tử cung điều trị rong kinh, rong huyết, lạc nội mạc tử cung	Lần	3.500.000	

80	DVTHUKHAC32 MATT	[DV]Phẫu thuật loại 1 MẮT	lần	2.500.000	
81	DVTHUKHAC32MAT	[DV] Phẫu thuật loại 1 MẮT(Phaco)	Lần	1.500.000	
82	DVTHUKHAC32NGOAI	[DV] Phẫu thuật loại 1 NGOẠI	Lần	2.500.000	
83	DVTHUKHAC32RHM	[DV]Phẫu thuật loại 1 RHM	lần	2.500.000	
84	DVTHUKHAC32TMH	[DV]Phẫu thuật loại 1 TMH	lần	2.500.000	
85	DVTHUKHAC32san	[DV] Phẫu thuật loại 1 SẢN	Lần	2.500.000	
86	DVTHUKHAC33MAT	[DV]Phẫu thuật loại 2 MẮT	lần	2.000.000	
87	DVTHUKHAC33NGOAI	[DV] Phẫu thuật loại 2 NGOẠI	Lần	2.000.000	
88	DVTHUKHAC33RHM	[DV]Phẫu thuật loại 2 RHM	lần	2.000.000	
89	DVTHUKHAC33SAN	[DV] Phẫu thuật loại 2 SẢN	Lần	2.000.000	
90	DVTHUKHAC33TMH	[DV]Phẫu thuật loại 2 TMH	lần	2.000.000	
91	DVTHUKHAC34 SAN	[DV]Phẫu thuật loại 3 SẢN	lần	1.500.000	
92	DVTHUKHAC34MAT	[DV]Phẫu thuật loại 3 MẮT	lần	1.500.000	
93	DVTHUKHAC34NGOAI	[DV] Phẫu thuật loại 3 NGOẠI	Lần	1.500.000	
94	DVTHUKHAC34RHM	[DV]Phẫu thuật loại 3 (RHM) 1.000	lần	1.000.000	
95	DVTHUKHAC34RHMPD	[DV]Phẫu thuật loại 3 RHM	lần	1.500.000	
96	DVTHUKHAC34TMH	[DV]Phẫu thuật loại 3 TMH	lần	1.500.000	
97	DVTHUKHAC35MAT	[DV]Phẫu thuật đặc biệt MẮT	lần	3.000.000	
98	DVTHUKHAC35NGOAI	[DV] Phẫu thuật đặc biệt NGOẠI	Lần	3.000.000	
99	DVTHUKHAC35RHM	[DV]Phẫu thuật đặc biệt RHM	lần	3.000.000	
100	DVTHUKHAC35SAN	[DV] Phẫu thuật đặc biệt SẢN	Lần	3.000.000	
101	DVTHUKHAC35TMH	[DV]Phẫu thuật đặc biệt TMH	lần	3.000.000	
102	DVTHUKHAC36	Túi bảo quản tử thi	Lần	226.000	
103	DVTHUKHAC37	Vận chuyển máu	Lần	273.000	
104	DVTHUKHAC38	Vận chuyển mẫu bệnh phẩm	Lần	200.000	
105	DVTHUKHAC40	[DV] Phục hình cố định mão kim loại	Lần	500.000	
106	DVTHUKHAC400	[DV]Tầm soát đái tháo đường thai kỳ (DD)(nhằm giảm thiểu các tai biến có thể xảy ra trong thai kỳ cho bà mẹ)	Lần	250.000	
107	DVTHUKHAC401	[DV] Phục hình cố định mão kim loại	Lần	500.000	
108	DVTHUKHAC402	[DV] Phục hình cố định mão sứ kim loại thường	Lần	800.000	
109	DVTHUKHAC403	[DV] Phục hình cố định mão titan	Lần	1.200.000	
110	DVTHUKHAC404	[DV] Phục hình cố định mão toàn sứ Ziconia	Lần	3.500.000	
111	DVTHUKHAC405	[DV] Massage	Lần	50.000	
112	DVTHUKHAC406	[DV] Dịch vụ tư vấn và hỗ trợ chăm sóc trẻ sơ sinh và bà mẹ sau mổ thai (gồm các chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh sau và trong ngày sinh)	Lần	100.000	
113	DVTHUKHAC408	[DV] Sao lục hồ sơ bệnh án	Lần	150.000	
114	DVTHUKHAC409	[DV] Sao lục hồ sơ theo hợp đồng	Lần	150.000	
115	DVTHUKHAC41	[DV] Phục hình cố định mão sứ kim loại thường	Lần	800.000	
116	DVTHUKHAC410	[DV] Khám và điều trị hiến muộn	Lần	300.000	
117	DVTHUKHAC411	[DV] Mặt bằng Quầy bách hóa		10.000.000	
118	DVTHUKHAC412	[DV] Mặt bằng Căn tin		10.000.000	
119	DVTHUKHAC415	[DV] Bãi giữ xe	Lần	1.000	
120	DVTHUKHAC416	[DV] Hội trường I	Lần	1.000.000	
121	DVTHUKHAC417	[DV] Hội trường II	Lần	2.000.000	
122	DVTHUKHAC419	[DV] Bãi xe Taxi		500.000	
123	DVTHUKHAC42	[DV] Phục hình cố định mão titan	Lần	1.200.000	
124	DVTHUKHAC420	[DV] Mặt bằng đặt máy ATM		2.000.000	

125	DVTHUKHAC421	[DV] Mặt bằng đặt ghế Massage (1 máy)		3.168.000	
126	DVTHUKHAC422	[DV] Mặt bằng đặt phòng nghỉ tổ ong	Lần	1.500.000	
127	DVTHUKHAC427	[DV] Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế	1 kg	20.000	
128	DVTHUKHAC428	[DV] Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế	1 kg	18.000	
129	DVTHUKHAC43	[DV] Phục hình cổ định mào toàn sứ Ziconia	Lần	3.500.000	
130	DVTHUKHAC44	[DV] Phục hình răng giả tháo lắp Composite	Lần	400.000	
131	DVTHUKHAC45	[DV] Phục hình răng giả tháo lắp nhựa . Mỹ	Lần	350.000	
132	DVTHUKHAC46	[DV] Phục hình răng giả tháo lắp nhựa . Nhật	Lần	300.000	
133	DVTHUKHAC47	[DV] Phục hình răng giả tháo lắp nhựa. Việt Nam	Lần	250.000	
134	DVTHUKHAC48	[DV] Phục hình răng giả tháo lắp sứ	Lần	500.000	
135	DVTHUKHAC49	[DV] Phục hình tháo lắp khung bộ nhựa mềm	Lần	1.000.000	
136	DVTHUKHAC50	[DV] Tẩy răng tại nhà	Lần	1.000.000	
137	DVTHUKHAC51	[DV] Chuyển viện (tuyến TW) TPHCM	Lần	2.500.000	
138	DVTHUKHAC52	[DV] Cháo dinh dưỡng	Lần	15.000	
139	DVTHUKHAC53	[DV] Chăm sóc tại nhà	Lần	250.000	
140	DVTHUKHAC56	[DV] Công khám theo yêu cầu (NGOẠI TRÚ)	Lần	50.000	
141	DVTHUKHAC58 HSCC	[DV] Công khám theo yêu cầu (chỉ định bác sĩ) KHOA HSCC	Lần	100.000	
142	DVTHUKHAC58 NGOẠI	[DV] Công khám theo yêu cầu (chỉ định bác sĩ) KHOA NGOẠI	Lần	100.000	
143	DVTHUKHAC58 NOI	[DV] Công khám theo yêu cầu (chỉ định bác sĩ) KHOA NỘI	Lần	100.000	
144	DVTHUKHAC58NHI	[DV] Công khám theo yêu cầu (chỉ định bác sĩ) KHOA NHI	lần	100.000	
145	DVTHUKHAC58NHIEM	[DV] Công khám theo yêu cầu (chỉ định bác sĩ) KHOA NHIỄM	Lần	100.000	
146	DVTHUKHAC58SAN	[DV] Công khám theo yêu cầu (chỉ định bác sĩ) KHOA SẢN	lần	100.000	
147	DVTHUKHAC59	[DV] Cơm dinh dưỡng (Hộp)	Lần	23.000	
148	DVTHUKHAC60	[DV] Cây phân tìm phẩy khuẩn trong tá *	Lần	14.400	
149	DVTHUKHAC64	[DV] Giặt ủi đồ sinh hoạt dính máu cứng	Lần	10.000	
150	DVTHUKHAC65	[DV] Giặt ủi đồ sinh hoạt thông thường	Lần	7.000	
151	DVTHUKHAC66	[DV] Gói mổ sạch	Lần	100.000	
152	DVTHUKHAC67	[DV] Gọi đầu massage cho bà mẹ	Lần	50.000	
153	DVTHUKHAC78	[DV] Khung nhựa mềm bán hàm ngoài	Lần	700.000	
154	DVTHUKHAC79	[DV] Khung nhựa mềm toàn hàm ngoài	Lần	1.000.000	
155	DVTHUKHAC81	[DV] Khâu thẩm mỹ âm đạo, tầng sinh môn	Lần	2.500.000	
156	DVTHUKHAC92	[DV] Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi	Lần	4.200	
157	DVTHUKHAC93	[DV] Phá thai bằng thuốc đến hết 12 tuần	Lần	1.200.000	
158	DVTHUKHAC94	[DV] Phá thai bằng thuốc đến hết 9 tuần	Lần	900.000	
159	DVTHUKHACNHI	[DV] Thủ thuật phân loại khác (KHOA NHI 100)	Lần	100.000	
160	DVTHUKHACTMH	[DV] Thủ thuật phân loại khác (KHOA LCK 200)	Lần	200.000	
161	DVTHUKHAC_119	[DV] Phẫu thuật loại II	Lần	1.000.000	
162	DVTHUKHAC_NOI	[DV] Thủ Thuật phân loại khác (KHOA NỘI 100)	Lần	100.000	
163	DVTRUYENMAU	Phụ thu truyền máu	lần	11.160	
164	GIDV001HSCC	[GIDV] Phòng 1 giường khoa HSCC	Ngày	400.000	
165	GIDV001NHI	[GIDV]Phòng 1 giường khoa NHI	Ngày	400.000	

166	GIDV001NHIEM	[GIDV]Phòng 1 giường khoa NHIỄM	Ngày	400.000	
167	GIDV001NOI	[GIDV]Phòng 1 giường khoa NỘI	Ngày	400.000	
168	GIDV001SAN	[GIDV]Phòng 1 giường khoa SẢN	Ngày	400.000	
169	GIDV002HSCC	[GIDV] Phòng 2 giường khoa HSCC	Ngày	300.000	
170	GIDV002NGOAI	[GIDV]Phòng 2 giường khoa NGOẠI	Ngày	300.000	
171	GIDV002NHI	[GIDV]Phòng 2 giường khoa NHI	Ngày	300.000	
172	GIDV002NHIEM	[GIDV]Phòng 2 giường khoa NHIỄM	Ngày	300.000	
173	GIDV002NOI	[GIDV]Phòng 2 giường khoa NỘI	Ngày	300.000	
174	GIDV002SAN	[GIDV]Phòng 2 giường khoa SẢN	Ngày	300.000	
175	GIDV003HSCC	[GIDV] Phòng 3 giường trở lên khoa HSCC	Ngày	200.000	
176	GIDV003NGOAI	[GIDV]Phòng 3 giường trở lên khoa NGOẠI	Ngày	200.000	
177	GIDV003NHI	[GIDV]Phòng 3 giường trở lên khoa NHI	Ngày	200.000	
178	GIDV003NHIEM	[GIDV]Phòng 3 giường trở lên khoa NHIỄM	Ngày	200.000	
179	GIDV003NOI	[GIDV] Phòng 3 giường trở lên khoa NỘI	Ngày	200.000	
180	GIDV003SAN	[GIDV]Phòng 3 giường trở lên khoa SẢN	Ngày	200.000	
181	SOATVSTP	Sổ khám KS ATVSTP	Sổ	16.000	
182	XNDV001	[XN-DV] Ghi điện cơ điện thế kích thích cảm giác thân thể	Lần	15.360	
183	XNDV002	[XN-DV] HIV đo tải lượng hệ thống tự động	Lần	113.040	
184	XNDV004	[XN-DV] Thời gian máu đông *	Lần	1.476	
185	XNDV005	[XN-DV] Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch tự động	Lần	35.760	
186	XNDV006	[XN-DV] Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch tự động	Lần	35.760	
187	XNDV007	[XN-DV] Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Lần	1.512	
188	XNDV008	[XN-DV] Thời gian máu đông	Lần	1.512	
189	XNDV009	[XN-DV] Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	Lần	2.772	
190	XNDV010	[XN-DV] Nhuộm Giemsa trên mảnh cắt mô phát hiện HP	Lần	36.000	
191	XNDV011	[XN-DV] Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff	Lần	48.000	
192	XNDV012	[XN-DV] Nhuộm hai màu Hematoxyline- Eosin	Lần	42.000	
193	XNDV013	[XN-DV] Nhuộm phiên đồ tế bào theo Papanicolaou	Lần	42.000	
194	XNDV014	[XN-DV] Phản ứng hòa hợp *	Lần	3.360	
195	XNDV015	[XN-DV] Túi máu *	Lần	5.400	
196	XNDV016	[XN-DV] Tế bào học dịch chái phế quản	Lần	19.200	
197	XNDV017	[XN-DV] Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang	Lần	19.200	
198	XNDV018	[XN-DV] Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	Lần	19.200	
199	XNDV019	[XN-DV] Tế bào học dịch màng khớp	Lần	19.200	
200	XNDV020	[XN-DV] Tế bào học dịch rửa phế quản	Lần	19.200	
201	XNDV021	[XN-DV] Tế bào học dịch rửa ổ bụng	Lần	19.200	
202	XNDV022	[XN-DV] Tế bào học nước tiểu	Lần	19.200	
203	XNDV023	[XN-DV] Tế bào học đờm	Lần	19.200	
204	XNDV024	[XN-DV] Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	Lần	4.848	
205	XNDV025	[XN-DV] Xét nghiệm chẩn đoán tế bào học bong bằng phương pháp nhuộm Papanicolaou (Paps'mear)	Lần	18.000	

206	XNDV026	[XN-DV] Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	Lần	19.200	
207	XNDV027	[XN-DV] Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm tử thi	Lần	42.000	
208	XNDV028	[XN-DV] Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm sinh thi	Lần	42.000	
209	XNDV029	[XN-DV] Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep	Lần	48.000	
210	XNDV030	[XN-DV] Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	Lần	19.200	
211	XNDV031	[XN-DV] Xét nghiệm đếm số lượng CD3 - CD4 - CD8	Lần	47.400	
212	XNDV032	[XN-DV] Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	Lần	4.692	
213	XNDV033	[XN-DV] Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	Lần	3.624	
214	XNDV034	[XN-DV] Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	Lần	7.620	
215	XNDV035	[XN-DV] Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.	Lần	4.848	
216	XNDV036	[XN-DV] Hematocrit *	Lần	2.016	
217	XNDV037	[XN-DV] Lấy bệnh phẩm làm phiên đồ tế bào cổ tử cung – âm đạo	Lần	42.000	
218	XNDV038	[XN-DV] Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	Lần	3.480	
219	XNDV039	[XN-DV] Tìm giun chỉ trong máu	Lần	4.152	
220	XNDV040	[XN-DV] Phản ứng Pandy [dịch]	Lần	1.020	
221	XNDV041	[XN-DV] Phản ứng Rivalta [dịch]	Lần	1.020	
222	XNDV042	[XN-DV] Tế bào nhuộm papanicolaou	Lần	38.640	
223	XNDV043	[XN-DV] Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Lần	1.824	
224	XNDV044	[XN-DV] Troponin T/I *	Lần	8.904	
225	XNDV045	[XN-DV] Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Lần	15.600	
226	XNDV046	[XN-DV] Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén	Lần	19.200	
227	XNDV047	[XN-DV] Dengue virus NS1Ag test nhanh	Lần	15.600	
228	XNDV048	[XN-DV] EV71 IgM/IgG test nhanh	Lần	13.680	
229	XNDV049	[XN-DV] HBeAg test nhanh	Lần	6.900	
230	XNDV050	[XN-DV] HBsAb test nhanh	Lần	7.164	
231	XNDV051	[XN-DV] HBsAg test nhanh	Lần	6.432	
232	XNDV052	[XN-DV] HCV Ab test nhanh	Lần	6.432	
233	XNDV053	[XN-DV] HIV Ab test nhanh	Lần	6.432	
234	XNDV054	[XN-DV] Helicobacter pylori Ab test nhanh *	Lần	10.560	
235	XNDV055	[XN-DV] Mycoplasma hominis test nhanh	Lần	28.560	
236	XNDV056	[XN-DV] Rotavirus test nhanh	Lần	21.360	
237	XNDV057	[XN-DV] Rotavirus test nhanh	Lần	20.640	

238	XNDV058	[XN-DV] Test nhanh AFP *	Lần	10.812	
239	XNDV059	[XN-DV] Test nhanh CEA *	Lần	10.176	
240	XNDV060	[XN-DV] Treponema pallidum test nhanh	Lần	28.560	
241	XNDV061	[XN-DV] Đo các chất khí trong máu	Lần	25.800	
242	XNDV062	[XN-DV] Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	2.580	
243	XNDV063	[XN-DV] Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	2.580	
244	XNDV064	[XN-DV] Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Lần	2.580	
245	XNDV065	[XN-DV] Đo hoạt độ Amylase [Niệu]	Lần	4.452	
246	XNDV066	[XN-DV] Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	Lần	2.304	
247	XNDV067	[XN-DV] Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	2.580	
248	XNDV068	[XN-DV] Định lượng Albumin [Máu]	Lần	2.580	
249	XNDV069	[XN-DV] Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Lần	2.580	
250	XNDV070	[XN-DV] Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Lần	2.580	
251	XNDV071	[XN-DV] Định lượng Calci toàn phần [Máu]	Lần	1.548	
252	XNDV072	[XN-DV] Định lượng Cholesterol toàn phần (Máu)	Lần	3.228	
253	XNDV073	[XN-DV] Định lượng Creatinin (máu)	Lần	2.580	
254	XNDV074	[XN-DV] Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	Lần	3.876	
255	XNDV075	[XN-DV] Định lượng Glucose [Máu]	Lần	2.580	
256	XNDV076	[XN-DV] Định lượng HbA1c [Máu]	Lần	12.120	
257	XNDV077	[XN-DV] Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Lần	2.580	
258	XNDV078	[XN-DV] Định lượng Tacrolimus [Máu]	Lần	86.880	
259	XNDV079	[XN-DV] Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Lần	3.228	
260	XNDV080	[XN-DV] Định lượng Mg [Máu]	Lần	3.876	
261	XNDV081	[XN-DV] Định lượng Urê máu [Máu]	Lần	2.580	
262	XNDV082	[XN-DV] Test Amphetamin *	Lần	5.088	
263	XNDV083	[XN-DV] Test Marijuana (cần sa) *	Lần	5.088	
264	XNDV084	[XN-DV] Test Methamphetamin *	Lần	5.088	
265	XNDV085	[XN-DV] Xét nghiệm ma túy (DOA Multi 4) *	Lần	9.600	
266	XNDV086	[XN-DV] AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	Lần	8.160	
267	XNDV087	[XN-DV] Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	4.848	
268	XNDV088	[XN-DV] Streptococcus pyogenes ASO	Lần	5.004	
269	XNDV089	[XN-DV] Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	Lần	2.076	
270	XNDV090	[XN-DV] Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (bao gồm kim chọc tủy nhiều lần)	Lần	63.600	
271	XNDV091	[XN-DV] Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (chưa bao gồm kim chọc tủy một lần)	Lần	15.360	
272	XNDV092	[XN-DV] Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ	Lần	2.076	
273	XNDV093	[XN-DV] Vibrio cholerae soi tươi	Lần	8.160	
274	XNDV094	[XN-DV] Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	Lần	4.848	
275	XNDV095	[XN-DV] Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	Lần	4.152	
276	XNDV096	[XN-DV] Taenia (Sán dây) soi tươi định danh *	Lần	4.824	
277	XNDV097	[XN-DV] Trichomonas vaginalis soi tươi/Ký sinh trùng/ Vi nấm soi tươi	Lần	4.824	
278	XNDV098	[XN-DV] Trứng giun sán, đơn bào phương pháp trực tiếp *	Lần	16.560	

279	XNDV099	[XN-DV] Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	Lần	4.428	
280	XNDV100	[XN-DV] Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	Lần	4.428	
281	XNDV101	[XN-DV] Vi khuẩn nhuộm soi	Lần	8.160	
282	XNDV102	[XN-DV] Vi khuẩn định danh PCR	Lần	88.080	
283	XNDV103	[XN-DV] Vi nấm soi tươi *	Lần	4.824	
284	XNDV104	[XN-DV] Vibrio cholerae nhuộm soi	Lần	8.160	
285	XNDV105	[XN-DV] Virus PCR	Lần	88.080	
286	XNDV106	[XN-DV] Virus Real-time PCR	Lần	88.080	
287	XNDV107	[XN-DV] Xét nghiệm phân (soi tươi tìm KST) *	Lần	4.824	
288	XNDV108	[XN-DV] Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản..) có đếm số lượng tế bào	Lần	10.812	
289	XNDV109	[XN-DV] AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	Lần	6.840	
290	XNDV110	[XN-DV] Cây phân tìm thấy khuẩn trong tả *	Lần	16.560	
291	XNDV111	[XN-DV] Demodex nhuộm soi	Lần	5.004	
292	XNDV112	[XN-DV] Demodex soi tươi	Lần	5.004	
293	XNDV113	[XN-DV] Leptospira test nhanh	Lần	15.960	
294	XNDV114	[XN-DV] Mycoplasma hominis test nhanh	Lần	24.000	
295	XNDV115	[XN-DV] Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	Lần	8.160	
296	XNDV116	[XN-DV] Neisseria meningitidis nhuộm soi	Lần	8.160	
297	XNDV117	[XN-DV] Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi	Lần	5.004	
298	XNDV118	[XN-DV] Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi	Lần	5.004	
299	XNDV119	[XN-DV] Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) soi tươi	Lần	5.004	
300	XNDV120	[XN-DV] Soi tươi tìm nấm âm đạo, trùng voi âm đạo *	Lần	4.824	